

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG
KHOÁN AN BÌNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-25
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-25

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC-UBCK ngày 29/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 01/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK ngày 30/07/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK ngày 20/08/2013 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
Ông Đào Mạnh Vương	Ủy viên
Ông Lê Việt Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đặng Thị Hồng Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Tú Uyên	Trưởng ban
Ông Chu Văn Mân	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đặng Thị Hồng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

Số: 1140/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến soát xét nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc trích lập dự phòng cho các cổ phiếu OTC như sau: Công ty không tiến hành đánh giá lại danh mục OTC tại thời điểm 30/6/2014 do đó danh mục OTC vẫn giữ giá trị dự phòng đã trích lập như tại thời điểm ngày 31/12/2013 khi Công ty thực hiện việc đánh giá trích lập theo quy trình nội bộ của Công ty quản lý Quỹ trên cơ sở các thông tin thị trường thu thập được tại thời điểm đó.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2014

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of  International

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		15.483.538.003	16.814.197.916
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.632.134.642	14.920.095.085
111	1. Tiền		12.632.134.642	6.450.095.085
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	8.470.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.115.168.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.115.168.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		536.013.778	1.240.069.124
131	1. Phải thu khách hàng		465.500.000	1.179.997.223
134	4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5	60.513.778	60.071.901
135	5. Các khoản phải thu khác	6	10.000.000	1.125.185.563
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(1.125.185.563)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		200.221.583	654.033.707
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	194.221.583	619.033.707
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		6.000.000	35.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.422.293.720	5.548.099.009
220	II. Tài sản cố định		144.865.588	206.950.840
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	126.198.919	180.284.170
222	- Nguyên giá		865.364.000	865.364.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(739.165.081)	(685.079.830)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	18.666.669	26.666.670
228	- Nguyên giá		80.000.000	80.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.333.331)	(53.333.330)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	5.230.600.000	5.230.600.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		9.066.527.214	9.066.527.214
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.835.927.214)	(3.835.927.214)
260	V. Tài sản dài hạn khác		46.828.132	110.548.169
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	36.828.132	100.548.169
268	3. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.905.831.723	22.362.296.925

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.289.417.298	223.386.215
310	I. Nợ ngắn hạn		1.289.417.298	223.386.215
312	2. Phải trả người bán		1.059.992.439	-
313	3. Người mua trả tiền trước		75.000.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	106.762.257	146.973.746
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	32.292.602	6.141.102
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.370.000	37.670.000
328	12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	32.601.367
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	19.616.414.425	22.138.910.710
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	121.800.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(10.505.385.575)	(7.982.889.290)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.905.831.723	22.362.296.925

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.125.185.563	-
030	8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	15	424.457.162	127.921.796
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		424.457.162	127.921.796
040	9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	16	81.715.632.478	342.526.507.478
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		81.715.632.478	342.526.507.478
050	10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	17	60.513.778	60.071.901
051	11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	18	2.919.082	2.930.082



Mai Thu Trang
Người lập



Mai Thu Trang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Hồng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	373.591.780	539.482.887
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	373.591.780	539.482.887
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	20	144.083.806	59.878.480
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		229.507.974	479.604.407
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.384.706.414	1.593.548.266
22	7. Chi phí tài chính	22	1.721.957.661	125.602.441
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.416.218.012	2.843.433.032
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.523.961.285)	(895.882.800)
31	10. Thu nhập khác		1.465.000	36.300
40	12. Lợi nhuận khác		1.465.000	36.300
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.522.496.285)	(895.846.500)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.522.496.285)	(895.846.500)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(841)	(299)


Mai Thu Trang
Người lập


Mai Thu Trang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Hồng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

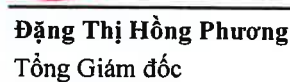
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		31.992.093.451	8.506.112.323
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(32.681.970.857)	(12.680.939.584)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.287.794.700)	(1.596.157.333)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		505.062.736	1.415.315.324
07	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.281.484.839)	(2.393.640.810)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.754.094.209)	(6.749.310.080)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
24	4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		-	6.900.000.000
27	7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		466.133.766	790.563.574
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		466.133.766	7.690.563.574
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.287.960.443)	941.253.494
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		14.920.095.085	10.022.815.472
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	12.632.134.642	10.964.068.966


Mai Thu Trang
Người lập

Mai Thu Trang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Hồng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	-	-	121.800.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(7.982.889.290)	-	(2.522.496.285)	(10.505.385.575)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	22.138.910.710	-	(2.522.496.285)	19.616.414.425

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	-	-	121.800.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.556.889.632)	-	(895.846.500)	(9.452.736.132)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14	21.564.910.368	-	(895.846.500)	20.669.063.868


Mai Thu Trang
Người lập

Mai Thu Trang
Kế toán trưởngĐặng Thị Hồng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC-UBCK ngày 29/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 01/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK ngày 30/07/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK ngày 20/08/2013 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng; tương đương 3.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư cổ phiếu OTC, không xác định được giá thị trường: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào giá do Công ty tạm thời xác định giá theo các quy trình nội bộ của Công ty Quản lý quỹ dựa trên các thông tin thị trường Công ty có thể thu thập được tại thời điểm 31/12/2013.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	13.786.500	44.110.000
Tiền gửi ngân hàng	12.618.348.142	6.405.985.085
Các khoản tương đương tiền	-	8.470.000.000
	12.632.134.642	14.920.095.085

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.115.168.000	-
	2.115.168.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

<u>Giá trị ghi sổ tại 30/06/2014</u>				
<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tăng so với giá trị thị trường</u>	<u>Giảm so với giá trị thị trường</u>	<u>Giá trị thị trường</u>
Chứng khoán niêm yết				
- PGS 20.000	587.880.500	34.119.500	-	622.000.000
- REE 40.000	1.055.581.000		3.581.000	1.052.000.000
- VND 30.000	471.706.500	29.293.500	-	501.000.000
	2.115.168.000	63.413.000	3.581.000	2.175.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	60.513.778	60.071.901
	60.513.778	60.071.901

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bà Trịnh Thị Ngọc Linh	-	1.115.341.563
Công ty Cổ phần Âu Lạc	-	9.844.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.000.000	-
	10.000.000	1.125.185.563

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	619.033.707	348.589.256
Tăng trong kỳ	173.128.494	514.958.240
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(597.940.618)	(517.713.391)
Tại ngày cuối kỳ	194.221.583	345.834.105
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí hợp đồng tư vấn	135.390.110	270.780.220
Chi phí thuê văn phòng trả trước	57.915.159	339.884.160
Chi phí trả trước dài hạn khác	916.314	8.369.327
	194.221.583	619.033.707

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	865.364.000	865.364.000
Tại ngày 30/06/2014	865.364.000	865.364.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	685.079.830	685.079.830
Trích khấu hao	54.085.251	54.085.251
Tại ngày 30/06/2014	739.165.081	739.165.081
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	180.284.170	180.284.170
Tại ngày 30/06/2014	126.198.919	126.198.919

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	80.000.000	80.000.000
Tại ngày 30/06/2014	80.000.000	80.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	53.333.330	53.333.330
Trích khấu hao	8.000.001	8.000.001
Tại ngày 30/06/2014	61.333.331	61.333.331
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	26.666.670	26.666.670
Tại ngày 30/06/2014	18.666.669	18.666.669

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá nội bộ do Công ty tự đánh giá tại thời điểm 31/12/2013		Giảm so với giá nội bộ do Công ty tự đánh giá tại thời điểm 31/12/2013		Tổng giá trị theo giá nội bộ do Công ty tự đánh giá tại thời điểm 31/12/2013	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn			9.066.527.214	9.066.527.214	-	-	(3.835.927.214)	(3.835.927.214)	5.230.600.000	5.230.600.000
Chứng khoán chưa niêm yết			9.066.527.214	9.066.527.214	-	-	(3.835.927.214)	(3.835.927.214)	5.230.600.000	5.230.600.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	366.040	366.040	5.588.443.881	5.588.443.881	-	-	(1.928.043.881)	(1.928.043.881)	3.660.400.000	3.660.400.000
- CTCP Thép Đình Vũ	22.100	22.100	221.000.000	221.000.000	-	-	(176.800.000)	(176.800.000)	44.200.000	44.200.000
- CTCP Nhựa Hà Nội	10.000	10.000	301.000.000	301.000.000	-	-	-	-	301.000.000	301.000.000
- CTCP Trúc Thôn	125.000	125.000	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	(1.175.000.000)	(1.175.000.000)	625.000.000	625.000.000
- CTCP Công nghệ truyền thông VNNT	60.000	60.000	1.156.083.333	1.156.083.333	-	-	(556.083.333)	(556.083.333)	600.000.000	600.000.000
			9.066.527.214	9.066.527.214	-	-	(3.835.927.214)	(3.835.927.214)	5.230.600.000	5.230.600.000

Ghi chú:

Công ty không tiến hành đánh giá lại danh mục OTC tại thời điểm 30/6/2014 do đó danh mục OTC vẫn giữ giá trị dự phòng đã trích lập như tại thời điểm ngày 31/12/2013 khi Công ty thực hiện việc đánh giá trích lập theo quy trình nội bộ của Công ty quản lý Quỹ trên cơ sở các thông tin thị trường thu thập được tại thời điểm đó.

TP. HCM
30/06/2014
TH
TY
05

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	100.548.169	182.114.690
Tăng trong kỳ	8.699.000	17.969.000
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(72.419.037)	(60.509.889)
Tại ngày cuối kỳ	36.828.132	139.573.801
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	32.281.460	37.001.605
Chi phí sửa chữa văn phòng chờ phân bổ	-	57.294.890
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.546.672	6.251.674
	36.828.132	100.548.169

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	106.762.257	146.973.746
	106.762.257	146.973.746

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả cho khách hàng ủy thác	2.919.082	2.930.082
Phải trả tiền tạm ứng cho nhân viên	26.142.667	-
Phải trả Ngân hàng giám sát	3.230.853	3.211.020
	32.292.602	6.141.102

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

14 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000

b) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

15 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	127.921.796	6.190.919
Số tăng trong kỳ	466.384.876	1.321.854.087
Số giảm trong kỳ	(169.849.510)	(1.033.099.103)
Số dư cuối kỳ	424.457.162	294.945.903

16 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	81.715.632.478	342.526.507.478
- Chứng khoán chưa niêm yết	81.715.632.478	81.715.632.478
- Trái phiếu	-	260.810.875.000
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
	81.715.632.478	342.526.507.478

17 . CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu Ngân hàng TMCP An Bình	31.948.769	31.948.769
Phải thu Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	28.565.009	28.123.132
	<u>60.513.778</u>	<u>60.071.901</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	2.919.082	2.930.082
	2.919.082	2.930.082

19 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	373.591.780	539.482.887
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	373.591.780	539.482.887
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	373.591.780	539.482.887

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	8.693.696	59.878.480
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	135.390.110	-
	144.083.806	59.878.480

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	133.578.965	577.113.131
Lãi đầu tư chứng khoán	1.008.569.871	570.007.135
Cổ tức, lợi nhuận được chia	242.557.578	446.428.000
	1.384.706.414	1.593.548.266

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	1.674.134.891	113.661.500
Chi phí tài chính khác	47.822.770	11.940.941
	1.721.957.661	125.602.441

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.489.495.177	1.830.623.300
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	70.714.035	57.294.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.085.252	82.956.256
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	769.357.548	850.448.976
Chi phí khác bằng tiền	20.566.000	18.109.600
	2.416.218.012	2.843.433.032

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.522.496.285)	(895.846.500)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.125.185.563	-
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	1.125.185.563	-
Các khoản điều chỉnh giảm	242.557.578	446.428.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	242.557.578	446.428.000
Tổng thu nhập tính thuế	(1.154.753.144)	(449.418.500)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(2.522.496.285)	(895.846.500)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.522.496.285)	(895.846.500)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(841)	(299)

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán		
		30/06/2014	01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.632.134.642	-	14.920.095.085	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	536.013.778	-	2.365.254.687	(1.125.185.563)
Đầu tư ngắn hạn	2.115.168.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	9.066.527.214	(3.835.927.214)	9.066.527.214	(3.835.927.214)
	24.349.843.634	(3.835.927.214)	26.351.876.986	(4.961.112.777)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.092.285.041	6.141.102
	1.092.285.041	6.141.102

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.632.134.642	-	-	12.632.134.642
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	536.013.778	-	-	536.013.778
Đầu tư ngắn hạn	2.115.168.000	-	-	2.115.168.000
Đầu tư dài hạn	-	5.230.600.000	-	5.230.600.000
	15.283.316.420	5.230.600.000	-	20.513.916.420
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.920.095.085	-	-	14.920.095.085
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	1.240.069.124	-	-	1.240.069.124
Đầu tư dài hạn	-	5.230.600.000	-	5.230.600.000
	16.160.164.209	5.230.600.000	-	21.390.764.209

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	1.092.285.041	-	-	1.092.285.041
	<u>1.092.285.041</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.092.285.041</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	6.141.102	-	-	6.141.102
	<u>6.141.102</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.141.102</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty là doanh thu ủy thác đầu tư của nhà đầu tư nên Công ty không phải lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không phải lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	645.858.215	1.195.620.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.



Mai Thu Trang
Người lập



Mai Thu Trang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Hồng Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014